

Số: /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

THÔNG TƯ**Quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số
được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm
sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng đồng thời các quy định sau:

1. Sản phẩm công nghệ số được thiết kế và sở hữu, dịch vụ công nghệ số

được sở hữu hoặc được quyền cung cấp bởi một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam, trong đó tổng tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ (sau đây gọi là tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam).

b) Cá nhân là người Việt Nam.

2. Có phương án, cam kết về hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và các dịch vụ hậu mãi.

3. Quy định cụ thể tương ứng với từng loại sản phẩm tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này.

Điều 4. Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi

Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

1. Về thiết kế và quyền sở hữu đối với thiết kế của sản phẩm phần cứng

Việc thiết kế sản phẩm phần cứng (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, thiết kế vi mạch/chip bán dẫn, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) và quyền sở hữu đối với thiết kế của sản phẩm phần cứng phải thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam thiết kế hoàn toàn và sở hữu quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế.

b) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam thuê người nước ngoài thiết kế, trong đó có người Việt Nam tham gia trong nhóm thiết kế và thiết kế đó được sở hữu bởi tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam đó.

c) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam mua thiết kế và thiết kế đó được sở hữu bởi tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam đó.

2. Về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm phần cứng

Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi phải có ít nhất một trong các tài liệu sau đây, do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam đứng tên chủ sở hữu:

a) Bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch

tích hợp bán dẫn do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

b) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

c) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu đối với các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

3. Nhãn hiệu gắn trên sản phẩm phần cứng phải thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc tài liệu hợp pháp khác xác lập quyền sở hữu.

Điều 5. Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi

Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

1. Về thiết kế, phát triển và quyền sở hữu đối với sản phẩm phần mềm

Việc thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) và quyền sở hữu đối với sản phẩm phần mềm phải thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam thiết kế, phát triển hoàn toàn và sở hữu quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế, mã nguồn sản phẩm phần mềm.

b) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam thuê người nước ngoài tham gia thiết kế, phát triển, trong đó có người Việt Nam tham gia trong nhóm thiết kế, phát triển và thiết kế, mã nguồn được sở hữu bởi tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam đó.

c) Do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam mua thiết kế, mã nguồn và thiết kế, mã nguồn được sở hữu bởi tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam đó.

2. Về tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm phần mềm

Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi phải có ít nhất một trong các tài liệu sau đây, do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam đứng tên chủ sở hữu:

a) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

b) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu đối với các đối tượng của

quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam có sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam có sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi phải:

1. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi như thông tin đã công bố trong suốt quá trình cung cấp sản phẩm được ưu đãi.

2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi đã công bố.

3. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam tự chứng minh việc đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Thông tư này để được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật đấu thầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin cung cấp.

4. Cập nhật thông tin liên quan về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi trên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số.

5. Chủ động công bố thông tin trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hoạt động thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí và được công bố theo quy định tại Thông tư 40/2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm đã được phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đang thuộc diện ưu tiên theo Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT chủ động rà soát, chuẩn hóa hồ sơ tự chứng minh theo quy định của Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Thông tư này thay thế Thông tư 40/2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

3. Các cơ quan, tổ chức sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật thông tin liên quan về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi lên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số.

4. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin (Bộ Khoa học và Công nghệ) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Công nghiệp công nghệ thông tin) để kịp thời giải quyết.

5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị chuyên môn về CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, CNCNTT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng